

Bản án số: 29/2024/HS-ST

Ngày: 03/4/2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Công Nhận
- Ông Hoàng Ngọc Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Nhà văn hóa thôn Xuân An, xã Thanh Khê, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2024/TLST-HS ngày 31/1/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 02 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 15 ngày 11/3/2024, đối với các bị cáo:

1. **Lê Văn T**, sinh năm 1993; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T2 và bà Cao Thị T3; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 02 ngày 16/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xử phạt Lê Văn T 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 68 ngày 29/02/2016 của Công an huyện Thanh Hà xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy; bị tạm giữ từ ngày 09/12/2023, chuyển tạm giam từ ngày 12/12/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương; có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Duy B**, sinh năm 1991; nơi sinh và cư trú: thôn T1, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Nguyễn Duy S và bà Nguyễn Thị T4; có vợ là Hoàng Thị T5; có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 02 ngày 16/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xử phạt Nguyễn Duy B 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; bị tạm giữ từ ngày ngày 22/12/2023, chuyển tạm giam từ ngày 25/12/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương; có mặt tại phiên tòa.

**\* Bị hại:**

+ Chị Bùi Thị H3, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Nam, xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Công N, sinh năm 1980; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng 21h 30 phút ngày 04/12/2023 Lê Văn T và Nguyễn Duy B cùng nhau đi bộ ngang qua trường mầm non xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Thấy trường vắng vẻ không có ai nên cả hai đã thống nhất trèo qua tường bao vào trong trường mục đích thấy tài sản nào có giá trị thì sẽ trộm cắp. Sau đó cả hai chia nhau đến các phòng lục tìm tài sản. B không tìm được tài sản gì, còn T phát hiện trên tầng 2 nơi phòng làm việc của chị Bùi Thị H3 cửa sổ không đóng. Trên bàn làm việc cách cửa sổ khoảng 1,5m có đặt 01 chiếc máy tính xách tay của chị Hường nhãn hiệu DELL Inspiron 15 Core I3. T lấy 01 đoạn ống kim loại hình trụ rỗng, dài 1,5m, đường kính 1,5cm trong một phòng học cùng tầng 2 rồi quay lại phòng làm việc của chị Hường, luồn ống kim loại qua cửa sổ khe, kéo chiếc máy tính xách tay từ từ lại gần phía cửa sổ rồi dùng tay phải thò vào trong, lấy chiếc máy tính ra, cho vào trong áo khoác đang mặc, bỏ lại ống kim loại tại hiện trường. Sau khi trộm được chiếc máy tính, T báo B và cả hai trèo tường theo lối ban đầu ra ngoài. Trưa ngày 05/12/2023, T mang chiếc máy tính đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại máy tính Công Nam ở địa chỉ xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương và bán máy tính này cho anh Nguyễn Công N lấy số tiền 4.000.000 đồng, sau đó T chia cho B 1.000.000 đồng, cả hai tiêu xài cá nhân hết. Trong hai ngày 09 và 22/12/2023, T cùng B lần lượt đến Công an huyện Thanh Hà trình báo về hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐDGTS ngày 11/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong hoạt động tố tụng huyện Thanh Hà xác định: Thời điểm hiện tại, chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu DELL Inspiron 15 CORE 13 trị giá 8.500.000đ.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSHD-TH ngày 29/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Duy B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng đã mô tả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T, B. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Duy B phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự. Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với cả hai bị cáo. Áp dụng thêm điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo B: Đề nghị xử phạt bị cáo T từ 12-15 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/12/2023; xử phạt bị cáo B từ 9-12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/12/2023. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T và bị cáo B có trách nhiệm trả lại cho anh Nguyễn Công N số tiền là 4.000.000đ, trong đó bị cáo T phải trả cho anh Nam số tiền là 3.000.000đ, bị cáo B phải trả cho anh Nam số tiền là 1.000.000đ. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại cơ quan điều tra, với biên bản định giá tài sản, lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 04/12/2023, tại phòng làm việc tầng 2 trường mầm non xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, Lê Văn T và Nguyễn Duy B đã lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt của chị Bùi Thị H3 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu DELL Inspiron 15 Core I3, trị giá 8.500.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu do đã từng bị kết án, bị cáo T còn từng bị xử phạt hành chính như đã nêu tại phần đầu bản án. Đánh giá mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét yếu tố nhân thân, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó cả hai bị cáo cùng thống nhất rủ nhau đi trộm cắp tài sản, đều là người thực hành tích cực. Tuy nhiên xét T là người trực tiếp phát hiện và lấy chiếc máy tính nêu trên; sau khi trộm cắp tài sản, T là người mang tài sản trộm cắp đi bán và là người quyết định tỷ lệ phân chia số tiền có được do bán tài sản trộm cắp mà có, T cũng được hưởng lợi nhiều hơn B nên T giữ vai trò thứ nhất, bị cáo B giữ vai trò sau T.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo B không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Đối với bị cáo T: Bản án hình sự sơ thẩm số 02 ngày 16/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xử phạt Lê Văn T 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự và án phí đối với bị cáo T. Kết quả chấp hành bản án số 02 nêu trên của bị cáo T như sau: Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 31/12/2017; bị cáo được Tòa án tuyên miễn nộp toàn bộ án phí theo Quyết định số 11 ngày 06/9/2022 của TAND huyện Thanh Hà. Đối với số tiền 6.250.000đ mà Tòa án tuyên buộc T phải trả cho anh Ngô Đức Cường, đến nay thời hiệu yêu cầu thi hành án đối với số tiền này đã hết. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà cung cấp đến nay anh Cường không có đơn yêu cầu thi hành án. Kết quả làm việc với anh Ngô Đức Cường thể hiện anh Cường xác định đã cho T toàn bộ số tiền nêu trên kể từ khi Tòa án ban hành bản án số 02 ngày 16/7/2017 nên anh Cường mới không gửi đơn yêu cầu thi hành án. Do đó áp dụng theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, tính đến thời điểm bị cáo T phạm tội mới Tòa án xác định bị cáo T đã được xoá án tích đối với bản án số 02 nêu trên nên bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra sau khi phạm tội bị cáo T đã tự nguyện trình báo về hành vi trộm cắp tài sản của mình trước khi người phạm tội bị phát hiện nên bị cáo T còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo B ra trình diện Cơ quan Công an sau khi bị cáo T đã ra trình báo, nên HĐXX chỉ xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ là đầu thú quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo B.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có thu nhập ổn định, không

có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại chiếc máy tính cho chủ sở hữu là chị Bùi Thị H3 là phù hợp. 01 đoạn ống kim loại hình trụ màu sáng trắng, rỗng, dài 1,5m đường kính 1,5m là tài sản của Trường Mầm non xã L, Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho Trường do bà Bùi Thị H3 là người đại diện theo pháp luật của trường nhận là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo đối với bị hại.

Anh Nguyễn Công N yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh Nam số tiền 4 triệu đồng mà anh đã bỏ ra mua máy tính từ T. Xét thấy yêu cầu của anh Nam là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Hai bị cáo có trách nhiệm liên đới hoàn lại số tiền 4 triệu đồng cho anh Nam, tuy nhiên căn cứ vào tỷ lệ hưởng lợi từ số tiền bán tài sản trộm cắp của các bị cáo nên HĐXX buộc T trả lại cho anh Nam 3 triệu đồng, bị cáo B trả lại cho anh Nam 1 triệu đồng.

[9] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Các bị cáo phải bồi thường dân sự nên còn phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự. Luật phí và lệ phí năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với cả hai bị cáo. Áp dụng thêm điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo B.

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Duy B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt:

- Bị cáo Lê Văn T 11 (mười một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 9/12/2023.

- Bị cáo Nguyễn Duy B 9 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/12/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Văn T và bị cáo Nguyễn Duy B có trách nhiệm trả lại cho anh Nguyễn Công N số tiền là 4.000.000đ, trong đó bị

cáo Lê Văn T phải trả cho anh Nguyễn Công N số tiền là 3.000.000đ. Bị cáo Nguyễn Duy B phải trả cho anh Nguyễn Công N số tiền là 1.000.000đ.

4. Về án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự; bị cáo B phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan của bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thanh Hà;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan cảnh sát điều tra-Công an huyện Thanh Hà;
- Cơ quan Thi hành án hình sự -Công an tỉnh Hải Dương;
- Bộ phận HNNV- Công an huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Anh Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Nhung**